

**PHỤ LỤC**  
**BỘ TIÊU CHÍ PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ VĂN MINH THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch, kiến trúc và quản lý quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố công khai rộng rãi (riêng đối với những khu vực đô thị đã ổn định nếu chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thì chỉ cần có quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt).	Đạt
		1.2. Thực hiện tốt quy định, quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch đô thị và trách nhiệm quản lý Nhà nước về xây dựng; phát huy vai trò tự quản cộng đồng trong việc thực hiện quy hoạch kiến trúc, xây dựng đô thị.	Đạt
		1.3. 100% công trình công cộng, nhà ở xây mới phù hợp quy hoạch (kể từ khi quy hoạch được phê duyệt), đảm bảo kiến trúc, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành. Đối với các công trình công cộng, nhà ở hiện có phải đảm bảo kiến trúc phù hợp, hài hòa với các công trình xung quanh.	Đạt
		1.4. Xử lý kịp thời, dứt điểm các vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng đô thị; không có công trình xây dựng vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức phải cưỡng chế, tháo dỡ.	Đạt
2	Giao thông và hạ tầng kỹ thuật	2.1. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị trên tổng số tuyến đường có bề rộng mặt đường xe chạy $\geq 7,5m$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đô thị loại II, loại III <math>\geq 50\%</math>.</li> <li>- Đô thị loại IV <math>\geq 40\%</math>.</li> <li>- Đô thị loại V <math>\geq 30\%</math>.</li> </ul>
		2.2. Các tuyến đường có bề rộng mặt đường xe chạy $\geq 7,5m$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% các tuyến đường được thảm bê tông nhựa hoặc bằng vật liệu mới (đối với các tuyến đường thường xuyên bị ngập nước, đảm bảo độ bền công trình, phù hợp với địa hình thời tiết, khí hậu có thể sử dụng kết cấu bê tông).</li> <li>- Tối thiểu 80% các tuyến đường đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ (Cây xanh, vỉa hè, điện chiếu sáng, cấp thoát nước...).</li> </ul>
		2.3. Các tuyến đường có bề rộng mặt đường xe chạy $< 7,5m$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% các tuyến đường đảm bảo được chiếu sáng và thoát nước theo quy định.</li> <li>- 100% các tuyến đường được bê tông hóa hoặc thảm bê tông nhựa, bằng vật liệu mới đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện (trong đó, tối thiểu 60% các trục đường được thảm bê tông nhựa hoặc phủ lớp vật liệu mới).</li> </ul>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
3	Điện	3.1. Có hệ thống điện (bao gồm nguồn điện, trạm biến áp phân phối, đường dây trung áp, hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân) đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật về điện.	Đạt
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%.	Đạt
		3.3. Hệ thống hạ tầng cấp điện đảm bảo bó gọn, cột điện được di dời ra khỏi lòng lề đường, không gây mất mỹ quan đô thị.	Đạt
4	Thông tin và truyền thông	4.1. Phường, thị trấn có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các tổ dân phố hoạt động tốt.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số tổ dân phố có hệ thống loa truyền thanh kết nối với đài truyền thanh phường, thị trấn đang sử dụng tốt.</li> <li>- 100% hộ gia đình nghe được loa truyền thanh của tổ dân phố.</li> <li>- Có Ban biên tập hoạt động đúng theo quy định của UBND tỉnh.</li> </ul>
		4.2. Phường, thị trấn có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trang thông tin điện tử của phường, thị trấn; Đảng ủy HĐND, UBND có sử dụng phần mềm quản lý, điều hành qua mạng.</li> <li>- 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản</li> <li>- 100% cán bộ, công chức phường, thị trấn có máy vi tính phục vụ nhiệm vụ chuyên môn và sử dụng phần mềm hỗ trợ quản lý, điều hành tác nghiệp.</li> </ul>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		4.3 Hạ tầng dịch vụ viễn thông, truyền hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số hộ trên địa bàn có sử dụng dịch vụ viễn thông, 100% hộ được xem truyền hình; 60% hộ dân có sử dụng dịch vụ Internet phục vụ cho việc giải trí, học tập, nghiên cứu trên môi trường mạng;</li> <li>- Hệ thống cáp treo viễn thông, truyền hình đảm bảo bó gọn, không gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ an toàn lưới điện;</li> <li>- Các khu đô thị mới được xây dựng trên địa bàn (nếu có) phải có hệ thống cống bể, hào kỹ thuật và thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông, truyền hình.</li> </ul>
5	Môi trường	5.1. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh đảm quy định về bảo vệ môi trường.	100%
		5.2. Các công trình công cộng (quảng trường, sân vận động, nhà hát...), công trình du lịch phải có công trình vệ sinh công cộng hợp vệ sinh.	Đạt
		5.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt
		5.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt
		5.5. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và nước thải cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ nương tiêu, thoát nước sinh hoạt tại các khu dân cư được đầu tư xây dựng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và nước thải cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.</li> <li>- Nương tiêu, thoát nước sinh hoạt tại các khu dân cư được xây dựng đạt <math>\geq 85\%</math>.</li> </ul>
		5.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	100%
		5.7. Các hộ gia đình chăn nuôi trên địa bàn đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường theo quy định.	Đạt
6	Nước sạch, vệ sinh an toàn thực phẩm	6.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia (cấp từ nhà máy cấp nước tập trung) theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.</li> <li>- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia QCVN 02:2009/BYT (nước cấp từ nhà máy cấp nước tập trung) đạt tối thiểu 95%.</li> </ul>
		6.2. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%
7	Nhà ở	7.1. Không có Nhà tạm, dột nát.	Đạt
		7.2. Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố đạt từ 95% trở lên.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
8	Cơ sở vật chất văn hóa	8.1. Nhà văn hóa phường, thị trấn tối thiểu 200 chỗ ngồi, có phòng chức năng, công trình phụ trợ, trang thiết bị đạt chuẩn quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Sân vận động phường, thị trấn tối thiểu 7000m <sup>2</sup> .	Đạt
		8.2. Phường, thị trấn có tối thiểu 02 điểm (công viên hoặc điểm vui chơi giải trí công cộng) đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định.	Đạt
		8.3. 100% tổ dân phố có nhà văn hóa, khu thể thao đảm bảo sinh hoạt (Nhà văn hóa tối thiểu 100 chỗ ngồi, sân khấu 30m <sup>2</sup> ; khu thể thao tối thiểu 500m <sup>2</sup> ).	Đạt
9	Văn hóa	9.1. 70% trở lên tổ dân phố được công nhận "Tổ dân phố văn hóa"; 100% tổ dân phố có quy ước được công nhận theo quy định.	Đạt
		9.2. 70% trở lên cơ quan, đơn vị; 50% trở lên doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường, thị trấn được công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.	Đạt
10	Thực hiện nếp sống văn minh đô thị	10.1. 90% trở lên các tuyến phố, ngõ, ngách được đặt tên; 100% nhà ở được gắn số nhà.	Đạt
		10.2. 85% trở lên hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; không có truyền bá, hành nghề mê tín dị đoan.	Đạt
		10.3. Không lấn chiếm lòng đường, hè phố; không có chợ cóc, chợ tạm; không coi nói mái che, mái vẩy, treo hình ảnh, đặt biển quảng cáo gây cản trở giao thông và mất mỹ quan đô thị.	Đạt
		10.4. Không viết, vẽ, dán quảng cáo, rao vặt lên tường, cây xanh, cột điện và các công trình đô thị; 100% tổ dân phố định kỳ hàng tháng vận động được người dân tập trung làm vệ sinh môi trường, chỉnh trang cảnh quan đô thị.	Đạt
		10.5. 100% cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao được cấp phép hoạt động; không vi phạm pháp luật về tàng trữ, lưu hành sản phẩm văn hóa có nội dung độc hại.	Đạt
		11.1. Hạ tầng công nghiệp đồng bộ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 85% cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được đưa vào sản xuất tập trung tại cụm công nghiệp, khu công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt.</li> <li>- 100% cơ sở sản xuất công nghiệp có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành.</li> </ul>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
11	Công nghiệp, thương mại và dịch vụ	11.2. Hạ tầng thương mại đạt chuẩn theo quy định hiện hành.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% các cơ sở hạ tầng thương mại trên địa bàn đạt chuẩn theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.</li> <li>- 100% cơ sở kinh doanh cố định, thường xuyên và có trụ sở độc lập có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định.</li> </ul>
		11.3. Hàng hóa kinh doanh có khả năng truy xuất nguồn gốc, có niêm yết giá theo quy định.	Tối thiểu 85% hàng hóa kinh doanh trên địa bàn có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; 100% hàng hóa kinh doanh tại siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa, cửa hàng chuyên doanh và 70% hàng hóa kinh doanh tại chợ được niêm yết giá theo quy định.
12	Trường học, giáo dục và đào tạo	12.1. 100% số trường học (mầm non, tiểu học, THCS) trên địa bàn phường, thị trấn có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia, trong đó ít nhất 1 trường mầm non hoặc tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	Đạt
		12.2. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; xóa mù chữ đạt mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 3.	Đạt
		12.3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) tối thiểu 90%. Không có học sinh vi phạm pháp luật.	Đạt
		12.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ nghề	≥ 70%
13	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (Triệu đồng/người/năm).	≥56,5
14	Tỷ lệ hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	≤3%
15	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên tổng dân số trong độ tuổi có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc.	≥95%
		16.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	≥92%

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
<b>16</b>	<b>Y tế</b>	16.2. Phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt
		16.3. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤15%
		16.4. Tỷ lệ người dân có hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử	≥95%
<b>17</b>	<b>Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật</b>	17.1. Tỷ lệ cán bộ, công chức phường, thị trấn đạt chuẩn.	Đạt 100%
		17.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt
		17.3. Đảng bộ, chính quyền phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên.	Đạt
		17.4. Tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của phường, thị trấn đạt loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên.	Đạt
		17.5. Phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. 100% hộ gia đình được phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.	Đạt
		17.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bạo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội.	Đạt
<b>18</b>	<b>Quốc phòng và an ninh</b>	18.1. Xây dựng lực lượng dân quân "Vững mạnh, rộng khắp"; Ban chỉ huy quân sự phường, thị trấn đạt danh hiệu "Đơn vị tiên tiến" trở lên; hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt
		18.2. Phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự	Đạt

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**